

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH**quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão ngày 20 tháng 3 năm 1993 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão bao gồm: phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả lụt, bão.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về phòng, chống lụt, bão do tổ chức, cá nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý nhưng không phải là tội phạm và theo quy định của Nghị định này thì bị xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều bị xử phạt theo quy định của Nghị định

này hoặc các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão thì bị xử lý theo quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

1. Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão phải được phát hiện, đình chỉ kịp thời và xử phạt nghiêm minh.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão phải do người có thẩm quyền quyết định theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

3. Mức xử phạt các hành vi vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Một hành vi vi phạm chỉ xử lý một lần, nếu tiếp tục vi phạm thì bị xử lý tăng nặng. Cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm thì bị xử lý theo

từng hành vi vi phạm. Nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm thì mỗi cá nhân, tổ chức vi phạm đều bị xử lý.

5. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức, biện pháp xử lý thích hợp.

6. Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính của cá nhân trong khi mắc bệnh tâm thần; các bệnh khác đã làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng tự điều khiển hành vi.

7. Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định hình thức xử phạt, nếu hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm việc giữ lại các vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử phạt vi phạm hành chính.

8. Đối với trường hợp đã ra quyết định xử phạt hành chính, nếu sau đó phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện, nếu quá thời hạn trên thì không xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định này.

Điều 5. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt hành chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền;

Mức phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão tối đa là 40.000.000 đồng.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc phạt bằng tiền thì tùy theo tình chất, mức độ vi phạm còn bị áp dụng một hoặc hai hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề được cấp liên quan đến hành vi vi phạm;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và 2 Điều này tổ

chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão còn bị áp dụng một hoặc hai biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Buộc tháo dỡ một phần hoặc toàn bộ công trình xây dựng trái phép;
- b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

Nếu không tự nguyện thực hiện khắc phục hậu quả quy định trên thì bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí cho việc cưỡng chế đó. Việc cưỡng chế được thi hành theo quy định tại Điều 18 và Điều 66 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

4. Người nước ngoài vi phạm hành chính còn có thể bị xử phạt trục xuất. Trục xuất được áp dụng là hình thức phạt chính hoặc xử phạt bổ sung tùy từng trường hợp cụ thể.

Chương II**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH,
HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT****Mục 1****VI PHẠM TRONG PHÒNG NGỪA
LỤT, BÃO**

Điều 6. Vi phạm gây hư hại đến công trình phòng chống lụt, bão

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Neo đậu không phép hoặc sai phép tàu, thuyền, bè mảng, các phương tiện khác vào công trình phòng, chống lụt, bão;

b) Tổ chức, cá nhân phát hiện công trình phòng, chống lụt, bão bị hư hỏng, sự cố mà không thông báo cho cơ quan có trách nhiệm để có biện pháp xử lý kịp thời.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Khoan thăm dò, khảo sát, khai thác đất đá, cát, sỏi, khoáng sản, nước ngầm không phép hoặc sai phép trong phạm vi bảo vệ công trình phòng, chống lụt, bão;

b) Sử dụng sai mục đích của công trình phòng, chống lụt, bão.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phá hoại hoặc khai thác không đúng quy định cây chắn sóng; chiếm dụng hoặc làm hư hỏng thất thoát vật tư, thiết bị, cấu kiện của công trình phòng, chống lụt, bão nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Nổ, phá trong phạm vi bảo vệ công trình phòng, chống lụt, bão.

4. Hình thức phạt bổ sung và khắc phục hậu quả đối với Điều này là:

a) Hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 của Điều này ngoài hình thức phạt tiền còn có thể bị xử phạt bổ sung: tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thời hạn 03 tháng hoặc tịch thu tang vật phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;

b) Hành vi vi phạm tại các điểm a khoản 2 và điểm a, b khoản 3 của Điều này ngoài hình thức phạt tiền còn có thể bị xử phạt khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

Điều 7. Vi phạm trong xây dựng gây ảnh hưởng đến công trình phòng, chống lụt, bão

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng sai quy định trong giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền khi thực hiện các hoạt động liên quan đến công trình phòng, chống lụt, bão.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình khác làm hư hỏng một phần hoặc toàn bộ công trình phòng, chống lụt, bão.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng không phép hoặc sai phép các kho

chứa lương thực, chất độc hại, chất nổ, nhiên liệu, vật tư và tài sản quan trọng khác trong vùng phân lũ, vùng thường bị ngập lụt.

4. Hình thức phạt bổ sung và khắc phục hậu quả:

Hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3 của Điều này ngoài hình thức phạt tiền còn có thể bị xử phạt bổ sung: tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thời hạn 06 tháng; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

Điều 8. Vi phạm trong quản lý phòng ngừa lụt, bão

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tung tin thất thiệt liên quan đến lụt bão gây hoang mang trong cộng đồng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng sai mục đích ngân sách đầu tư cho công tác phòng, chống lụt, bão.

Mục 2

VI PHẠM TRONG ỨNG PHÓ LỤT, BÃO

Điều 9. Vi phạm trong triển khai ứng phó lụt, bão

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không

chấp hành yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp: gia cố công trình phòng, chống lụt, bão, chằng chống nhà cửa, sơ tán đảm bảo an toàn.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi neo đậu tàu, thuyền tránh, trú bão không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc di chuyển để phòng tránh bão, áp thấp nhiệt đới của tàu thuyền đang hoạt động trên sông, trên biển hoặc hồ chứa nước.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc cấm tàu thuyền ra khơi trong trường hợp có bão hoặc áp thấp nhiệt đới khẩn cấp.

5. Hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này ngoài hình thức phạt tiền, người vi phạm còn bị cưỡng chế thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và xem xét xử phạt bổ sung: tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề liên quan đến sử dụng, điều khiển tàu, thuyền, phương tiện thời hạn 2 đến 5 tháng.

6. Đối với tàu thuyền đánh bắt hải sản trên biển ngoài các xử phạt các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều

này, còn thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

Điều 10. Vi phạm trong vận hành hồ chứa thủy lợi, thủy điện

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

1. Chủ các công trình hồ chứa thủy lợi, thủy điện không có quy trình vận hành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Vận hành hồ chứa thủy lợi, thủy điện trái quy trình vận hành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc không thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Các hành vi vi phạm tại khoản 1 và 2 Điều này ngoài hình thức phạt tiền, người vi phạm còn phải chịu hình thức buộc khôi phục lại một phần hoặc toàn bộ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra.

Điều 11. Vi phạm quy định về cứu nạn, cứu hộ trong phòng, chống lụt, bão

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thông tin, tắt máy thông tin hoặc hoạt động không đúng vùng biển đăng ký của tàu thuyền trên biển.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi phát hiện hoặc nhận được thông tin về người,

phương tiện bị nạn trên biển, sông, hồ mà không chủ động cứu giúp hoặc không thông tin kịp thời để lực lượng khác đến ứng cứu.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo, báo cáo sai về vị trí, số lượng người trên tàu; tình trạng tai nạn của tàu thuyền đang hoạt động trên biển, gây phí tổn cho tổ chức tìm kiếm cứu nạn.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành lệnh huy động thực hiện nhiệm vụ cứu nạn của người có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi phát tín hiệu cấp cứu - khẩn cấp của tàu thuyền trên biển nhưng không hợp tác với lực lượng cứu hộ do cơ quan chủ trì về cứu hộ cứu nạn cử đến. Ngoài việc bị phạt tiền, người đề nghị cứu hộ còn bị xem xét bồi hoàn chi phí cho việc điều động cứu hộ.

Mục 3

VI PHẠM TRONG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ LỤT, BÃO

Điều 12. Vi phạm trong khắc phục hậu quả

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi phân

phối hàng cứu trợ chậm trễ hoặc không đúng đối tượng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi chiếm đoạt, sử dụng sai mục đích tiền, hàng hóa, nhu yếu phẩm cứu trợ nhân dân vùng bị ảnh hưởng của lũ, bão. Người vi phạm còn buộc phải hoàn trả số tiền, giá trị hàng hóa đã chiếm dụng.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG LỤT, BÃO

Điều 13. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (gọi chung là cấp xã) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 2.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

c) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có liên quan đến các hành vi vi phạm;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có liên quan đến các hành vi vi phạm; thu hồi giấy phép cấp sai thẩm quyền hoặc không đúng quy định;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

Điều 14. Thẩm quyền của Công an nhân dân

1. Trưởng công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 2.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

c) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

2. Trưởng công an cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có liên quan đến các hành vi vi phạm;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

3. Giám đốc công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có liên quan đến các hành vi vi phạm; thu hồi giấy phép cấp sai thẩm quyền hoặc không đúng quy định;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

4. Bộ trưởng Bộ Công an:

a) Chỉ đạo các đơn vị liên quan kiểm tra, ngăn chặn và xử lý các vi phạm pháp luật về phòng, chống lụt, bão;

b) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống lụt, bão.

Điều 15. Thẩm quyền của Thanh tra chuyên ngành

1. Thanh tra viên chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 500.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm có giá trị đến 2.000.000 đồng.

2. Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có liên quan đến các hành vi vi phạm;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

3. Chánh thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có liên quan đến các hành vi vi phạm; thu hồi giấy phép cấp sai thẩm quyền hoặc không đúng quy định;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

Điều 16. Thẩm quyền của Bộ đội biên phòng

1. Trạm trưởng Trạm kiểm soát biên phòng có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm;

c) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

3. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

c) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

Điều 17. Thẩm quyền của Cảnh sát biển

1. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 1.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 10.000.000 đồng.

4. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

b) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

5. Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm;

c) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có liên quan đến các hành vi vi phạm;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ PHẠT
VI PHẠM HÀNH CHÍNH**Điều 18.** Thủ tục xử phạt hành chính

1. Thủ tục, trình tự xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão thực hiện theo quy định tại Điều 53, 54, 55, 56, 57 và 58 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

2. Các hành vi vi phạm hành chính bị xử phạt đều phải lập thành hồ sơ và ghi rõ cho tổ chức, cá nhân vi phạm biết điều, khoản, tên văn bản pháp luật mà họ vi phạm đồng thời phải lưu giữ đầy đủ tại cơ quan có thẩm quyền phạt theo thời hạn quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

3. Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền được nhận biên lai thu tiền phạt, nếu không có biên lai thu tiền phạt thì người bị phạt có quyền không nộp phạt.

4. Việc tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 60 và Điều 61 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

5. Chế độ quản lý, sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Điều 19. Thủ tục tước quyền sử dụng, thu hồi giấy phép

Thủ tục tước quyền sử dụng, thu hồi giấy phép thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và phải thông báo ngay đến cơ quan cấp phép biết.

Điều 20. Chấp hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão theo quy định của Nghị định này phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt của người có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt mà không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 66 và Điều 66a của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và các quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của pháp luật.

3. Khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính tổ chức, cơ quan và người có thẩm quyền phải tuân thủ trình tự, thủ tục cưỡng chế theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và các quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của pháp luật.

Chương V

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại, khởi kiện về việc xử phạt đối với họ theo quy định của pháp luật.

2. Mọi công dân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão của cá nhân, tổ chức và tố cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão.

3. Thẩm quyền, thủ tục, trình tự, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành chính thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Xử lý đối với người có thẩm quyền xử phạt và người bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão có hành vi sách nhiễu, dung túng hoặc bao che cho người có hành vi vi phạm; không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng thẩm quyền theo quy định; chiếm đoạt, sử dụng trái phép tiền bạc, tang vật, phương tiện có liên quan đến vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người bị xử phạt vi phạm hành chính có hành vi chống lại người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành quyết định xử phạt hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định của Nghị định này, các quy định khác của pháp luật có liên quan hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Đối với hành vi vi phạm chế độ công vụ của cán bộ, công chức trong khi

thi hành nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2010.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
MỘT SỐ MẪU BIÊN BẢN VÀ QUYẾT ĐỊNH SỬ DỤNG
TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO
(ban hành kèm theo Nghị định số 04/2010/NĐ-CP
ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ)

1. Mẫu biên bản số 01: Biên bản vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão.
2. Mẫu biên bản số 02: Biên bản tịch thu (tạm giữ) tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão.
3. Mẫu quyết định số 03: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão.
4. Mẫu quyết định số 04: Quyết định tịch thu (tạm giữ) tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Mẫu biên bản số 01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-VPHC

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO

Hôm nay, hồi... giờ... ngày... tháng... năm 200...., tại

.....

Chúng tôi gồm:

* Cơ quan lập biên bản:

- Ông (Bà)..... Chức vụ:

- Ông (Bà)..... Chức vụ:

- Ông (Bà)..... Chức vụ:

* Đại diện Chính quyền

- Ông (Bà)..... Chức vụ:

- Ông (Bà)..... Chức vụ:

* Đại diện cơ quan liên quan

- Ông (Bà)..... Chức vụ:

- Ông (Bà)..... Chức vụ:

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão đối với:

* Ông (bà)/ tổ chức:

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:

Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:.....

Cấp ngày:

Đã có hành vi vi phạm hành chính như sau:

.....
.....
.....

Các hành vi trên đã vi phạm vào Điều....., khoản..... điểm.....
của Nghị định.....

Ý kiến trình bày của người vi phạm hành chính/đại diện tổ chức vi phạm hành
chính:

.....
.....
.....

Biên bản được lập thành 04 bản có nội dung và giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01
bản. Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản là
đúng và ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
VI PHẠM

CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
LIÊN QUAN.....

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN.....

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Mẫu biên bản số 02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-TG-TVPT

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....

**BIÊN BẢN TỊCH THU (TẠM GIỮ) TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN
VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO**

Căn cứ Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua năm 1993 và được sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính số 04/2008/UBTVQH12 ngày 02/4/2008;

Căn cứ Điều..... Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão số...../2009/NĐ-CP ngày.... tháng..... năm 2009.;

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số..... ngày...../...../200..... do..... chức vụ..... ký;

Để có cơ sở xác minh thêm vụ việc vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính,

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 200....., tại.....

Chúng tôi gồm:

* Cơ quan lập biên bản:

- Ông (Bà)..... Chức vụ:;
- Ông (Bà)..... Chức vụ:;
- Ông (Bà)..... Chức vụ:

* Đại diện Chính quyền

- Ông (Bà)..... Chức vụ:;
- Ông (Bà)..... Chức vụ:

* Đại diện cơ quan liên quan

- Ông (Bà)..... Chức vụ:

- Ông (Bà)..... Chức vụ:

* Người vi phạm hành chính là:

- Ông (bà)/ tổ chức:.....

.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:

Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:.....

Cấp ngày:

Tiến hành lập biên bản tịch thu (tạm giữ) tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão gồm:

.....

.....

Ngoài những tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tịch thu (tạm giữ) thêm thứ gì khác.

Ý kiến bổ sung khác:

.....

.....

Biên bản được lập thành 04 bản có nội dung và giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản. Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản là đúng và ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
VI PHẠM

CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
LIÊN QUAN.....

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN.....

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Mẫu Quyết định số 03

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-XPFC

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....

QUYẾT ĐỊNH**xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão**

Căn cứ Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua năm 1993 và được sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính số 04/2008/UBTVQH12 ngày 02/4/2008;

Căn cứ Điều..... Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão số...../2009/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2009;

Căn cứ Biên bản về vi phạm hành chính số...../BB-VPFC ngày.../.../200....;

Xét.....;

Tôi:.....; Chức vụ:

Đơn vị công tác:.....;

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:**

Ông (bà)/tổ chức:

Địa chỉ:.....;

Giấy CMND số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:

Cấp ngày:..... tại

1. Hình thức xử phạt chính:

Phạt tiền: đồng.

(Viết bằng chữ:.....),

2. Hình thức phạt bổ sung (nếu có):.....

.....

3. Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

.....

Lý do: Đã có hành vi vi phạm hành chính

.....

.....

.....

Quy định tại điểm.....; khoản....., Điều..... của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão số...../2009/NĐ-CP ngày.... tháng..... năm 2009.

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt, nếu cố tình không chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp ngay cho người ra quyết định xử phạt hoặc nộp vào tài khoản..... tại kho bạc Nhà nước..... trong vòng 10 ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt;

Ông (bà)/tổ chức..... có quyền khiếu nại đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức: để chấp hành;

2. Kho bạc: để thu tiền;

3. Cục Quản lý Đê điều và Phòng chống lụt bão./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Mẫu Quyết định số 04

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-TG-TVPT

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....

QUYẾT ĐỊNH**tịch thu (tạm giữ) tang vật, phương tiện vi phạm hành chính**

Căn cứ Pháp lệnh phòng, chống lút, bảo được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua năm 1993 và được sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh phòng, chống lút, bảo ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính số 04/2008/UBTVQH12 ngày 02/4/2008;

Căn cứ Điều..... Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống lút, bảo số...../2009/NĐ-CP ngày.... tháng..... năm 2009;

Căn cứ Biên bản về vi phạm hành chính số...../BB-VPHC ngày...../...../200.....;

Xét.....;

Tôi:.....; Chức vụ:

Đơn vị công tác:

QUYẾT ĐỊNH:

Tịch thu (tạm giữ): Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của:

Ông (bà)/tổ chức:

Địa chỉ:

Giấy CMND số... /.... Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:

Cấp ngày:..... tại

Thời hạn tạm giữ:.....

Lý do: Đã có hành vi vi phạm hành chính

.....

.....

.....

Quy định tại điểm.....; khoản....., Điều..... của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão số...../2009/NĐ-CP ngày.... tháng..... năm 2009.

Việc tịch thu (tạm giữ) tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được lập biên bản (kèm theo Quyết định này).

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức chấp hành;

2.;

3.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Ý kiến của Thủ trưởng Người ra quyết định tạm giữ: